

# LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

## QUYỂN 28

### Chương 2: **KIỀN-ĐỘ SỬ**

#### Phẩm 1: **BẤT THIỆN**, Phần 4

Ba kiết này có bao nhiêu kiết là bất thiện, bao nhiêu kiết là vô ký? Cho đến chín mươi tám sử, có bao nhiêu sử là bất thiện, bao nhiêu sử là vô ký?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Tất cả phiền não đều là bất thiện, vì không có phương tiện thiện xảo giữ gìn, như phái Thí dụ giả nói: Vì chấms dứ ý nghĩ như vậy, cũng nói phiền não là bất thiện, vô ký. Nếu không có phương tiện thiện xảo giữ gìn là bất thiện thì các phiền não lẽ ra phải nói là không có phương tiện khéo léo, không nên nói là bất thiện. Vì sao? Vì không có phương tiện thiện xảo là không biết gìn giữ sự tương ứng ấy, vì không thể tự thể lại tương ứng với tự thể.

Lại nữa, hoặc có thuyết nói: Các phiền não cõi Dục đều là bất thiện, các phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc đều là vô ký.

Vì chấms dứ ý của thuyết như thế, cũng nói Thân kiến, Biên kiến đều là pháp vô ký, nên soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Sở dĩ soạn luận là vì nghĩa gì nên soạn luận? Đáp: Vì muốn cho nghĩa ấy được thành lập, nên soạn luận này. Cho nên trước nêu câu hỏi: Vì nghĩa gì, Tôn giả kia soạn luận mà lập chương trước?

Đáp: Vì muốn hiện bày môn, nên nay vì muốn thể hiện môn, nên soạn luận này.

Trong ba kiết này, có bao nhiêu kiết bất thiện, bao nhiêu kiết vô ký?

Đáp: Một kiết là vô ký, đó là thân kiến.

Hỏi: Vì sao thân kiến là vô ký?

Đáp: Nếu pháp nào là không hổ, không thẹn, thì pháp đó sẽ tương ứng với không hổ, không thẹn (vô tà, vô quý), từ không hổ không thẹn sinh, làm quả y cho không hổ, không thẹn là bất thiện. Thân kiến không tương ứng với không hổ không thẹn, không từ nơi không hổ không thẹn sinh, không làm quả y cho không hổ không thẹn, nên là vô ký.

Lại nữa, kiết này không hoàn toàn làm hư hoại tâm trông mong.

Hỏi: Không hoàn toàn làm hư hoại tâm trông mong là sao?

Đáp: Tức như nghĩa trên đã nói, lại nữa, vì kiết này không trái với tu thí, giới, nên là vô ký. Nếu người chấp ngã, tu hành bố thí, muốn cho ngã được vui, giữ giới, mong muốn cho ngã được sinh lên cõi trời, tu tập, muốn cho ngã được giải thoát.

Lại nữa, kiết này ngu đối với tự thể, không gây bức xúc người khác. Nếu người chấp ngã thì khi mắt thấy sắc, không nghĩ rằng: Mắt có thể thấy sắc, sắc là thấy, mà nghĩ rằng ngã là sắc năng thấy, ngã sở là bị thấy, cho đến ý biết pháp, không nghĩ rằng: Ý có thể biết pháp, pháp là bị biết, nhưng nghĩ rằng ngã là chủ thể biết pháp, ngã sở là bị biết.

Không gây bức xúc người khác: Các kiến điên đảo như thế v.v... là không gây bức xúc người khác.

Lại nữa, vì thân kiến không sinh báo, nên là vô ký.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì sao kiến này là vô ký?

Đáp: Vì kiến này không thể khởi nghiệp, thân, miệng thô.

Hỏi: Nếu vậy thì phiền não bất thiện cũng có thể không khởi nghiệp thân, miệng thô phải không?

Đáp: Lúc tham, giận dữ, ngu si thêm hưng thịnh, có thể khởi. Lại nữa, vì kiến này không thể làm cho con người đọa vào đường ác.

Hỏi: Nếu vậy thì phiền não bất thiện cũng không thể khiến con người đọa vào đường ác?

Đáp: Lúc tham lam, giận dữ, ngu si gia tăng mạnh, thì có thể làm cho con người rơi vào đường ác. Còn khi kiến này hưng thịnh thêm, thì không thể khiến làm cho con người đọa vào đường ác.

Lại nữa, kiến này chẳng thể sinh quả không ưa thích.

Hỏi: Kiến này có thể sinh hữu sau, tức là sinh quả không ưa thích. Vì sao? Vì như Đức Phật nói: Tỳ-kheo! Nếu khởi hữu sau, dù chỉ một sát-na, thì ta không khen ngợi. Vì sao? Vì người khởi hữu là pháp khổ!

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: chỗ chấp của kiến này là điên đảo cũng sinh điên đảo, lẽ ra là bất thiện. Nếu chính thân kiến chẳng phải bất thiện thì thế nào là bất thiện? Đức Thế tôn cũng nói: Cho đến cái ngu nhỏ cũng là bất thiện.

Hai thứ là nên phân biệt:

Hỏi: Vì sao nói phân biệt?

Đáp: Nghĩa này nên phân biệt là phần bất thiện, là phần vô ký.

Lại nữa, vì nghĩa này cần phải phá trừ, nên nói là phân biệt.

Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nói lời: Vì nghĩa ấy nên giải thích rõ, nên nói là phân biệt: Giới thủ, nghi, nếu ở cõi Dục là bất thiện, nếu ở cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Hỏi: Vì sao phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký?

Đáp: Nếu pháp là không hổ, không thẹn cùng với không hổ, không thẹn tương ứng với không hổ, không thẹn sinh ra, làm quả y cho không hổ, không thẹn là bất thiện. Vì phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc trái với trên, nên là vô ký.

Lại nữa, vì phiền não này không làm hư hoại tâm trông mong.

Không làm hư hoại tâm trông mong là sao? Vì nghĩa như đã nói ở trên.

Lại nữa, phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc không thể sinh báo, vì không thể sinh báo nên là vô ký.

Sở dĩ không thể sinh báo là vì bị bốn chi, năm chi định chế phục. Giống như rắn độc đã bị chú thuật chế phục, thì nó sẽ không thể cắn người. Phiền não kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì chẳng phải vật chứa đựng của báo, nên phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Nếu chính cõi Sắc, cõi Vô sắc có thể sinh báo, thì sẽ sinh báo nào? Nên sinh khổ thọ. Khổ thọ là pháp cõi Dục, không thể do phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc mà thọ báo trong cõi Dục.

Lại nữa, cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng phải hoàn toàn có thể sinh điên đảo, chỉ có một chút pháp tương tự. Như tà kiến cõi Sắc, cõi Vô sắc chê bai không có khổ, có một chút phần vui là kiến của kiến thủ. Ấm cõi Sắc, cõi Vô sắc là bậc nhất. Tà kiến cõi Sắc, cõi Vô sắc kia có phần ít kiến của giới thủ thứ nhất. Ở cõi Sắc, cõi Vô sắc có phần ít tịnh, cũng có khả năng tịnh hóa đạo cõi Dục. Cõi Vô sắc có khả năng tịnh hóa đạo cõi Sắc.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì sao các phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký?

Đáp: Vì không thể khởi nghiệp thân, miệng thô.

Hỏi: Phiền não bất thiện cũng không thể khởi nghiệp thân miệng thô thì sao?

Đáp: Lúc tham, giận, si thêm hưng thịnh, là có thể khởi nghiệp

thân miệng thô. Lúc các phiền não kia thêm hưng thịnh, thì không thể khởi nghiệp thân, miệng thô.

Lại nữa, vì các phiền não kia không thể làm cho con người đọa vào đường ác.

Hỏi: Phiền não bất thiện cũng có khi không thể khiến con người đọa vào đường ác phải không?

Đáp: Lúc tham lam, giận dữ, si mê thêm hưng thịnh, thì có thể làm cho con người đọa vào đường ác, khi các phiền não kia thêm hưng thịnh thì không thể khiến cho con người đọa vào đường ác.

Lại nữa, các phiền não kia không thể sinh quả không ưa thích.

Nếu sinh một chút hữu sau là quả không ưa thích, nói rộng như trên.

Tôn giả Phật Đà Đề Bà nói: Nếu gặp lúc phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc chẳng phải bất thiện, thì thế nào là bất thiện? Đức Thế tôn cũng nói: Phiền não sinh ra nghiệp lẽ ra là bất thiện. Ba căn bất thiện tức là bất thiện. Vì sao? Vì căn bất thiện này là phiền não bất thiện, là pháp bất thiện, làm nhân, làm rễ, làm xuất xứ, làm gốc, làm hữu, làm duyên, lập tập, làm chỗ sinh.

Ba lậu: Một là vô ký.

Hai là nên phân biệt.

Một là vô ký là hữu lậu. Sở dĩ là vô ký, như đã nói ở trên.

Hai là nên phân biệt, nghĩa là dục lậu, vô minh lậu. Dục lậu hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Vì sao dục lậu là bất thiện? Là vô tâm, vô quý (không hổ, không thẹn) cũng tương ứng với vô tâm, vô quý: Là vô tâm, vô quý nên bất thiện, tức là tự thể. Tương ứng với vô tâm, vô quý, nhận lấy ba mươi bốn thứ: Hoàn toàn bất thiện có ba thứ. Phần ít, đó là thù miên, trạo cử tương ứng với vô tâm, vô quý là bất thiện.

Thế nào dục lậu là vô ký? Không tương ứng với vô tâm, vô quý. Đây là nói thân kiến, biên kiến, cũng nói là phần ít của ba thứ, nghĩa là thù miên, trạo cử, tương ứng với thân kiến, biên kiến gọi là vô ký.

Hỏi: Vô tâm không tương ứng với vô tâm, vô quý không tương ứng với vô quý, có thể thuộc về dục lậu vô ký.

Đáp: Văn ấy không nên nói rằng: Thế nào là vô ký, không thuộc về vô tâm, vô quý, không tương ứng với dục lậu.

Vô tâm, vô quý không gồm nhiếp, tức là trừ vô tâm, vô quý không tương ứng, tức là trừ vô tâm, vô quý tương ứng, mà không nói là có ý gì?

Đáp: Mặc dù vô tâm không tương ứng với vô tâm, mà tương ứng với vô quý, dù vô quý không tương ứng với vô quý, mà tương ứng với vô tâm. Vì sao? Vì không lìa nhau. Cho nên chẳng thuộc về dục lậu vô ký. Vô minh lậu hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là vô minh lậu bất thiện? Vì tương ứng với vô tâm, vô quý. Cũng thế, tức là nói vô minh, chỗ dứt của bốn thứ ở cõi Dục, nghĩa là chỗ dứt của tu đạo, của tập, diệt, đạo và chỗ dứt của khổ đế.

Phần ít, nghĩa là ba kiến nghi, ái, giận dữ, mạn tương ứng với vô minh và vô minh bất cộng.

Thế nào là vô minh lậu vô ký? Vì không tương ứng với vô tâm, vô quý. Cũng thế tức là nói vô minh tương ứng với thân kiến, biên kiến cõi Dục, vô minh chỗ dứt của năm thứ cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao trong mười triền, chỉ nói tương ứng với vô tâm, vô quý (không hổ, không thẹn) mà không nói các thứ khác?

Đáp: Vì người soạn luận có ý như thế, muốn như thế. Tùy ý muốn của người soạn luận này, cũng không trái với pháp tướng.

Lại nữa, hai triền ấy hoàn toàn bất thiện, tương ứng với tất cả phiền não bất thiện. Triền phần, triền phú, triền tật (ganh ghét) triền san(keo kiệt) dù hoàn toàn bất thiện, nhưng không tương ứng với tất cả phiền não bất thiện. Triền thù, triền trạo cử, dù tương ứng với tất cả phiền não bất thiện mà chẳng phải hoàn toàn bất thiện. Vì sao? Vì là bất thiện và vô ký. Triền miên, triền hối chẳng phải hoàn toàn bất thiện. Vì sao? Vì miên có thiện, bất thiện, vô ký, hối có thiện, bất thiện, vô ký, còn vô tâm, vô quý thì hoàn toàn bất thiện, tương ứng với tất cả phiền não bất thiện. Nên hễ có ngần ấy vô tâm, vô quý tương ứng, thì có ngần ấy phiền não bất thiện. Hễ có ngần ấy phiền não bất thiện, là có ngần ấy tương ứng với không hổ, không thẹn. Như hễ có bao nhiêu cái hộp thì có bấy nhiêu cái nắp đậy. Phiền não kia cũng giống như thế.

Bốn lưu: Một thứ là vô ký, là hữu lưu. Vì sao? Vì là pháp cõi Sắc, cõi Vô sắc. Như nói phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký, hữu lưu này cũng giống như thế. Ba thứ nên phân biệt, đó là Dục lưu, Kiến lưu và Vô minh lưu.

Dục lưu hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là bất thiện? Là vô tâm, vô quý (không hổ, không thẹn) và tương ứng với dục lưu. Vô tâm, vô quý tức là nói thể của vô tâm, vô quý. Tương ứng với dục lưu, chính là nói hai mươi bốn thứ hoàn toàn bất thiện, và phần ít của ba thứ, nghĩa là thù miên, trạo cử, tương ứng với vô tâm, vô quý.

Thế nào là vô ký? Nghĩa là dục lưu không tương ứng với vô tâm, vô quý. Cũng thế tức là nói phần ít của thù miên, trạo cử tương ứng với thân kiến, biên kiến cõi Dục.

Kiến lưu hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là bất thiện? Ba kiến thuộc cõi Dục, nghĩa là tà kiến, kiến thủ, giới thủ.

Thế nào là vô ký? Là hai kiến thuộc cõi Dục, đó là thân kiến, biên kiến. Năm kiến lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Vô minh lưu, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là bất thiện? Nghĩa là vô minh lưu tương ứng với vô tâm, vô quý.

Thế nào là vô ký? Nghĩa là vô minh lưu không tương ứng với vô tâm vô quý.

Như lưu, ách cũng giống như thế.

Bốn thủ: Một thứ là vô ký, là Ngã ngữ thủ. Vì sao? Vì là pháp cõi Sắc, cõi Vô sắc. Như nói: Phiền não cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký. Thủ này cũng giống như thế.

Ba thứ nên phân biệt, là Dục thủ, Kiến thủ và Giới thủ.

Dục thủ hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Bất thiện là sao? Là không hổ, không thẹn và tương ứng với dục thủ. Vô tâm, vô quý (không hổ, không thẹn) là nói về tự thể, và tương ứng với dục thủ, tức là nói hai mươi tám thứ hoàn toàn bất thiện cùng phần ít của bốn thứ, đó là thù, miên, trạo cử, vô minh tương ứng với vô tâm, vô quý.

Thế nào là vô ký? Là dục thủ không tương ứng với vô tâm, vô quý, tức là nói phần ít của bốn thứ: Thù, miên, trạo cử, vô minh, tương ứng với thân kiến, biên kiến lệ thuộc cõi Dục.

Kiến thủ, hoặc bất thiện hoặc vô ký. Bất thiện là thế nào? Hai kiến lệ thuộc cõi Dục: là Tà kiến và kiến thủ. Thế nào là vô ký? Hai kiến lệ thuộc cõi Dục: là Thân kiến và biên kiến: Bốn kiến cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Gới thủ: Ở cõi Dục là bất thiện, cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Bốn phược: Hai phược là bất thiện: Là phược thân tham, phược thân giận. Hai thứ nên phân biệt là phược kiến thủ thân và phược giới thủ thân. Lệ thuộc cõi Dục là bất thiện. Lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm cái: Chỉ là bất thiện.

Năm kiết: Ba thứ là bất thiện: kiết giận, kiết ganh ghét và kiết keo

kiệt. Hai thứ cần phân biệt: kiệt ái và kiệt mạn. Lệ thuộc cõi Dục là bất thiện. Lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm kiệt phần dưới, có hai bất thiện: Kiệt dục ái, kiệt giận dữ. Một thứ vô ký là thân kiến. Hai thứ nên phân biệt là giới thủ và nghi. Lệ thuộc cõi Dục là bất thiện. Lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Năm kiệt phần trên chỉ là vô ký.

Năm kiến có hai thứ vô ký là thân kiến, biên kiến. Ba thứ nên phân biệt là tà kiến, kiến thủ và giới thủ. Lệ thuộc cõi Dục là bất thiện. Lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Sáu ái thân có hai thứ bất thiện: Tỷ xúc sinh ái thân, thiết xúc sinh ái thân. Bốn thứ nên phân biệt: Nhãn xúc sinh ái thân, nhĩ xúc sinh ái thân, thân xúc sinh ái thân. Lệ thuộc cõi Dục là bất thiện. Lệ thuộc cõi Phạm thế là vô ký. Ý xúc sinh ái thân, lệ thuộc cõi Dục là bất thiện. Lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Bảy sử có hai thứ là bất thiện, là sử dục ái và sử giận dữ. Một thứ là vô ký: sử hữu ái. Bốn thứ nên phân biệt, là sử mạn, sử vô minh, sử kiến, sử nghi.

Sử mạn, sử nghi lệ thuộc cõi Dục là bất thiện, lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Sử vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Sử vô minh tương ứng với vô tâm, vô quý. Thế nào là vô ký? Là sử vô minh không tương ứng với vô tâm, vô quý.

Sử kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Bất thiện là sao? Ba kiến lệ thuộc cõi Dục. Vô ký là thế nào? Là hai kiến lệ thuộc cõi Dục, năm kiến lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chín kiệt có ba thứ bất thiện: Là kiệt giận dữ, kiệt keo kiệt, kiệt ganh tỵ. Sáu thứ nên phân biệt: Là kiệt ái, kiệt mạn, kiệt thủ, kiệt nghi: lệ thuộc cõi Dục là bất thiện, lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc là vô ký.

Kiệt vô minh hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Vô minh tương ứng với vô tâm, vô quý. Thế nào là vô ký? Vô minh không tương ứng với vô tâm, vô quý.

Kiệt kiến hoặc bất thiện, hoặc vô ký. Thế nào là bất thiện? Là tà kiến lệ thuộc cõi Dục, thế nào là vô ký? Thân kiến, biên kiến lệ thuộc cõi Dục, ba kiến lệ thuộc cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Chín mươi tám sử có ba mươi ba thứ bất thiện, sáu mươi bốn thứ vô ký, một thứ nên phân biệt là sử vô minh, do kiến khổ, lệ thuộc cõi Dục dứt, hoặc bất thiện, hoặc vô ký.

Thế nào là bất thiện? Tương ứng với vô tâm, vô quý.

Vô ký là sao? Là không tương ứng với vô tâm, vô quý. Môn này, Tỳ-bà-sa, Ưu-ba-đề-xá là nên phân biệt rộng.

Hỏi: Vì sao gọi là thiện, vì sao gọi là bất thiện, vì sao gọi là vô ký?

Đáp: Nếu đã khéo gìn giữ phương tiện thiện xảo sinh ra quả đáng ưa, yên ổn nên gọi là thiện.

Khéo gìn giữ phương tiện thiện xảo: Là Đạo đế.

Sinh ra quả đáng ưa: Là phần ít của khổ, tập đế.

Yên ổn: Là Diệt đế. Nếu không gìn giữ phương tiện khéo léo, sinh ra quả không đáng ưa, không an ổn là bất thiện. Đây là nói phần ít của khổ đế, tập đế. Trái với đây là vô ký. Lại nữa, sinh quả ái, sinh quả lạc thọ là thiện. Sinh quả không đáng ưa thích, sinh quả khổ thọ là bất thiện. Trái với đây là vô ký.

Lại nữa, sinh chủng tử hữu đáng ưa thích là thiện. Sinh chủng tử hữu không đáng ưa thích là bất thiện. Trái với đây là vô ký.

Lại nữa, sinh trong đường đáng ưa thích là thiện. Sinh trong cõi không đáng ưa thích là bất thiện, trái với đây là vô ký.

Lại nữa, thể tánh nhẹ nhàng ở trong phần vắng lặng là thiện. Thể tánh nặng chìm ở trong phần tăng thịnh là bất thiện. Trái với đây là vô ký.

Tôn giả Bà-đa nói: Vì bốn việc nên gọi là thiện:

1. Thể.
2. Gân.
3. Năng khởi.
4. Thật nghĩa.

Thể là tự thể. Hoặc có thuyết nói: hỏ, thẹn là tự thể.

Hoặc có thuyết nói: Ba căn thiện là tự thể.

Gân: Là pháp tâm, tâm sở.

Năng khởi: Là có thể khởi nghiệp thân, miệng và tâm bất tương ưng hành.

Thật nghĩa: Là Niết-bàn. Vì yên ổn nên nói là thiện. Phái Tỳ-bà Xà-bà-đề đã nói rằng: Tự thể thiện là trí. Gân thiện là thức. Năng khởi thiện là có thể khởi nghiệp thân, miệng. Thật nghĩa thiện: Là Niết-bàn.

Vì bốn việc, nên gọi là bất thiện:

1. Thể.
2. Sự gân.
3. Năng khởi.



4. Thật nghĩa.

Thể, nghĩa là tự thể.

Hoặc có thuyết nói: Không hổ, không thẹn là tự thể.

Hoặc có thuyết nói: Ba căn bất thiện là tự thể.

Gần: Là tâm, tâm pháp số.

Năng khởi: Là có thể khởi nghiệp thân, miệng và tâm bất tương ưng hành.

Thật nghĩa: Vì sinh tử không yên ổn, nên nói là bất thiện. Là do phái Tỳ-bà Xà-bà-đề nói rằng: Tự thể là ngu si.

Gần là thức.

Năng khởi: Là có thể khởi nghiệp thân, miệng.

Thật nghĩa: Là sự sinh tử.

Tôn giả Ba-xa nói: Nếu pháp là chánh quán, thì sẽ tương ứng với chánh quán. Từ chánh quán sinh ra quả y, quả giải thoát, đó gọi là thiện. Nếu pháp chẳng phải chánh quán, cho đến không từ chánh quán sinh ra quả y, thì đó gọi là bất thiện. Trái với việc này, gọi là vô ký. Như chánh quán, không chánh quán, hổ, thẹn, không hổ thẹn, căn thiện, căn bất thiện, năm căn như tín căn, v.v..., năm cái. nói cũng giống như thế. Kinh Tập Pháp nói: Vì sao gọi là thiện? Đáp: Vì có quả đáng ưa thích, quả tốt đẹp, quả thích hợp, quả vừa ý, nên gọi là thiện.

Về quả

báo nói cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao gọi là bất thiện?

Đáp: Vì có quả không yêu, quả không tốt đẹp, quả không tối thượng, quả không vừa ý, nên gọi là bất thiện. Về quả báo nói cũng giống như thế. Trái với việc này là vô ký.

Hỏi: Đức Thế tôn nhất định ghi nhận khổ, nhất định ghi nhận Tập, nhất định ghi nhận Diệt, nhất định ghi nhận Đạo, nói rộng mười hai nhập, thiết lập giải thoát hiển hiện, vì sao nói vô ký?

Đáp: Không vì lý do không giải thoát, nên nói vô ký, chỉ vì Đức Thế tôn đối với pháp thiện, ghi nhận thiện, pháp bất thiện ghi nhận bất thiện. Pháp này chẳng phải pháp thiện đã ghi nhận, chẳng phải pháp bất thiện đã ghi nhận, nên nói là vô ký.

Lại nữa, Đức Thế tôn nói: Pháp thiện có quả đáng ưa thích, pháp bất thiện có quả không đáng ưa thích. Pháp này không sinh quả đáng ưa thích, không đáng ưa thích, nên nói là vô ký.

Lại nữa, vì hai việc, nên gọi là thiện:

1. Do tự thể.

2. Do có báo.

Bất thiện cũng giống như thế. Vô ký dù có tự thể, nhưng không sinh ra báo, nên nói là vô ký. Đức Thế tôn hoặc có khi không giải thích, gọi là vô ký (Thiên-trúc âm vô ký là vô đáp). Như kinh nói: Sa-môn Cù-đàm! Thế giới là thường chăng? Đức Phật nói: Câu hỏi này không nên đáp.

Hỏi: Vì sao Phật không đáp câu hỏi ấy?

Đáp: Vì ngoại đạo chấp con người là thường. Các ngoại đạo kia đi đến chỗ Phật, hỏi rằng: Sa-môn Cù-đàm! Con người là thường hay là chẳng phải thường?

Đức Phật nghĩ: Không có nhân, ngã, đáp không có, thì các ngoại đạo kia sẽ nói rằng: Tôi không hỏi về có, không.

Nếu nói thường, vô thường, vì không có pháp làm sao nói có thường, vô thường? Như hỏi: Con của cô gái bất dục có cung kính, hiếu thuận không? Ngoại đạo kia sẽ nghĩ rằng: Gái bất dục không có con. Nếu ta đáp không thì họ sẽ nói rằng: Tôi chẳng hỏi về không, có. Nếu nói cung kính, hiếu thuận thì họ sẽ nói: Gái bất dục không có con, sao lại nói cung kính, hiếu thuận? Câu hỏi kia cũng giống như thế.

Biện luận này chẳng phải có, chẳng phải thật. Chính vì chẳng phải có, chẳng phải thật, nên Đức Thế tôn không đáp.

Có bốn cách đáp, như phẩm Trí trong Kiên-độ Tạng đã nói rộng.

Ba kiết này, bao nhiêu kiết có báo, bao nhiêu kiết không có báo? Cho đến chín mươi tám sử, bao nhiêu sử có báo, bao nhiêu sử không có báo?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Như phái Thí dụ giả nói: Trừ tư không có nhân báo, trừ thọ không có quả báo.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, đồng thời cũng biểu hiện năm ấm là quả báo.

Lại nữa, vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đã nhận nhân báo, thì không có tự thể. Như Bộ Ca-Diếp-Duy nói rằng: Nghĩa của nhân cho đến báo chưa thành thực, nếu khi báo đã thành thực thì báo ấy sẽ không có nghĩa của nhân. Giống như hạt giống khi chưa sinh mầm thì có nghĩa hạt giống. Nếu khi mầm đã mọc ra rồi, thì sẽ không có nghĩa của hạt giống nữa. Nghĩa của nhân kia cũng giống như thế.

Vì ngăn dứt ý như đã nêu của bộ kia, cũng nói về báo, mặc dù là nhân thành thực, nhưng vẫn có tự thể.

Lại có thuyết nói: Vì sao soạn luận này? Đáp: Vì ngoại đạo, như

ngoại đạo nói: Nghiệp thiện ác không có quả báo. Vì ngăn dứt ý nghĩ như thế của họ, đồng thời cũng nói nghiệp thiện, ác luôn có quả báo.

Cho nên, ngăn dứt nghĩa của người khác, vì muốn làm sáng tỏ nghĩa của mình, cũng nói nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn luận này.

Nếu đừng vì ngăn dứt nghĩa của người khác, đừng vì làm sáng tỏ nghĩa của mình, chỉ muốn nói nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn luận này. Như văn của môn đầu đã nói, văn của môn này cũng nên nói như thế.

Ba kiết, nếu bất thiện thì có báo, vô ký thì không có báo, cho đến chín mươi tám sử cũng vậy.

Môn này là nói rộng, tức Ưu-ba-đề-xá-Tỳ-bà-sa.

Hỏi: Vì báo của pháp mình đều có nên nói có báo, hay do báo của pháp người khác đều có nên nói có báo? Nếu do báo của pháp mình đều có nên nói có báo, vì sao nhân quả không đi chung? Cũng trái với kệ đã nói, như nói:

*Làm ác không báo ngay  
Như Tát-già ném sữa  
Không đốt ngay ngu, nhỏ  
Cũng như lửa dưới tro.*

Có loại cỏ tên Tát-già, nếu cọ xát nhau là tan nát, bỏ vào sữa, thì thành lạt. Nhân, quả thì không như thế. Vậy là thế nào?

Đáp: Như lửa lẫn trong tro, mới đập thì không nóng, đứng lâu mới cảm thấy nóng. Cũng thế, nghiệp bất thiện nhân lúc sinh mừng vui, khi biến đổi thành quả sinh ra ấm, giới, nhập của các đường ác. Nếu dùng báo của pháp người khác, đều nói là có báo, Thánh đạo vô lậu cũng đều có báo của pháp người khác, lẽ ra nói là có báo?

Đáp: Nên nói rằng: Vì đi chung với báo của pháp mình, nên nói là có báo.

Hỏi: Nếu vậy thì sao nhân quả không đi chung? Cũng trái với kệ đã nói?

Đáp: Đi chung có hai thứ:

1. Có đều cùng.
2. Cùng đều cùng.

Có đều cùng: Là có nhân, có quả, có duyên, có báo.

Có nhân, có quả: Như nhân đã gây ra trước kia trong trăm ức kiếp, dù diệt làm nhân cho pháp đời sau, pháp này đối với nhân dù cách xa vẫn gọi là có nhân. Pháp kia đối với quả dù cách xa vẫn gọi là có quả.

Có duyên: Như mặt trời, mặt trăng cách quả đất này bốn ngàn do- tuần, nếu mắt duyên đến, liền sinh nhãn thức, cảnh giới dù xa mà vẫn sinh nhãn thức, gọi là đó là có duyên.

Có báo: Nghiệp đã gây ra trong trăm ức kiếp, dù đã diệt mất trong sinh báo của thân hiện nay, nhưng nghiệp kia đối với báo này tuy cách xa vẫn nói có báo.

Cùng đều cùng: Như có giác, có quán, có hỷ, có dụng.

Có giác: Pháp tương ứng của giác.

Có quán: Pháp tương ứng của quán.

Có hỷ: Pháp tương ứng của hỷ căn.

Có dụng: Thực hành pháp tương ứng quán.

Trong đây dùng “Có đều cùng” (Hữu câu) để soạn luận, không dùng “Cùng đều cùng” (Tịnh câu).

Lại nữa, “Có đều cùng” có hai thứ:

1. Có đều cùng.

2. Cùng đều không lìa nhau.

Có đều cùng: Như nói: Có nhân, cho đến có báo.

Cùng đều không lìa nhau: Như nói: Có giác, cho đến có dụng.

Ở đây, dùng “Có đều cùng” để soạn luận, không nói Cùng đều không lìa nhau.

Lại nữa, có ba thứ cùng đều:

1. Cùng đều gần.

2. Cùng đều xa.

3. Cùng đều gần xa.

Cùng đều gần: Như nói có giác cho đến có dụng.

Cùng đều xa: Như nói có nhân cho đến có báo.

Cùng đều gần xa: Như nói có lậu, có sử, có duyên, có thể.

Có lậu, nghĩa là pháp hữu lậu, hoặc tương ứng với lậu, hoặc làm sở duyên tương ứng với lậu. Làm duyên đều là hữu lậu. Như có lậu, có sử cũng vậy.

Có duyên: Duyên có gần có xa. Duyên gần, duyên xa đều là có duyên. Như có duyên thì tự thể cũng vậy. Trong đây dùng cùng đều xa để soạn luận, không dùng cùng đều gần, không dùng cùng đều gần xa.

Hỏi: Vì sao gọi là báo?

Đáp: Vì sinh ra pháp không giống nhau, nên gọi là báo. Báo có hai thứ: giống nhau và không giống nhau. Giống nhau: Như nương pháp thiện sinh pháp thiện, nương pháp bất thiện sinh pháp bất thiện, nương pháp vô ký sinh pháp vô ký.

Không giống nhau: Như pháp thiện, bất thiện sinh ra báo vô ký. Nghĩa báo khác, như phẩm Trí trong Kiên-độ Tạng có nói rộng.

Ba kiết này có bao nhiêu kiết do kiến đạo dứt trừ? Bao nhiêu kiết do tu đạo dứt trừ, cho đến chín mươi tám sử, có bao nhiêu sử do kiến đạo dứt trừ, bao nhiêu sử do tu đạo dứt trừ?

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Phạm phu không thể lìa dục, bậc Thánh không thể dùng đạo thế tục để dứt trừ kiết. Như phái Thí dụ giả, Tôn giả Phật-Đà-Đề-Bà nói rằng: Hoặc người phạm phu không thể dứt kiết mà có thể chế ngự triền. Nói như thế gọi là nói không che giấu.

Hỏi: Vì sao Tôn giả kia nói như thế?

Đáp: Vì dựa vào kinh Phật, kinh Phật nói: Tỳ-kheo phải biết, nếu dùng tuệ Thánh để thấy, biết pháp thì gọi là dứt trừ. Người phạm phu không có tuệ Thánh, vì không có tuệ Thánh, nên không gọi là dứt trừ.

Hỏi: Nếu vậy làm sao hiểu được kinh này, như nói: Tỳ-kheo phải biết! Uất-đầu-lam-phát đã dứt trừ dục ái, sắc ái, dứt bỏ ái của Không xứ, cho đến ái của Vô sở hữu xứ, sinh Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, nên cũng nói vị tiên ngoại đạo có thể lìa dục ái. Người kia đáp rằng: Kinh này không dứt nói dứt, không lìa dục nói lìa dục. Kinh khác cũng nói: Không dứt là dứt, không lìa dục là lìa dục. Không dứt là dứt, như kệ nói:

*Người chấp các vật là của ta  
Khi chết đều bỏ, không đem theo  
Cũng thế người trí không nên chấp  
Đối với các vật nghĩ của ta.*

Không lìa dục, nói lìa dục: Như nói: Như đồng nam, đồng nữ trong thôn xóm, xây ngôi nhà đất. Nếu đối với ngôi nhà đất này, khi chưa lìa dục, tâm chúng sinh khởi khát ái, sửa sang, gìn giữ chấp cho là của mình. Nếu khi lìa dục, thì chúng sẽ hủy hoại, đập phá, rồi bỏ đi. Như kinh này, không dứt nói dứt, kinh kia cũng vậy. Tuy nhiên, người phạm phu không thể dứt trừ kiết. Nói người phạm phu đã lìa dục cõi Dục, là dùng đạo thế tục để chế ngự, hàng phục phiền não cõi dưới, trên duyên Sơ thiên, như cách bò đi của con sâu xà-lâu. Lìa dục cõi Dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, không còn có địa nào trên để có thể duyên lên trên. Được lìa dục của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ, như người trèo lên cây, chuyển từ cành này sang cành khác. Nếu chuyển đến ngọn cây, không còn nhánh nhóc, bèn trèo trở xuống. Cũng thế, người phạm phu duyên theo pháp của địa trên, có thể chế

ngự, hàng phục phiền não của địa dưới mà không thể dứt trừ. Giống như chó sói đi qua giữa đám lau sậy, cây gai, dù có thể đi qua, do chúng nằm rạp xuống, nhưng không thể chặt đứt. Sự lia dục kia cũng giống như thế.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói người phàm phu có thể lia dục, đạo thế tục có thể dứt trừ kiết, nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này vì hoặc có thuyết nói: bậc Thánh không dùng đạo thế tục để dứt trừ kiết. Vì sao? Vì bậc Thánh đâu thể bỏ đạo vô lậu mà theo đạo thế tục.

Vì ngăn dứt ý của người nói như thế, cũng nói, bậc Thánh dùng đạo thế tục dứt trừ kiết, nên soạn luận này.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này là vì để ngăn dứt ý nói Sa-môn dứt trừ kiết tức khắc, vì có Sa-môn nói pháp dứt trừ kiết ngay, như định Kim cương dụ dứt trừ tất cả kiết. Không có kiết nào không dứt, không phá trừ, không nhập, không được bên kiết đó. Dụ như kim cương không có vật nào không bị nó cắt đứt, đập vỡ, không nhập vào, không được bên. Nghĩa là như răng sắt, ngọc Bối kha, Thạch ma-ni v.v... Pháp dứt trừ kiết kia cũng giống như thế.

Thuyết ấy nói có bốn quả Sa-môn định Kim cương dụ dứt trừ tất cả kiết.

Hỏi: Nếu vậy thì đâu cần ba quả Sa-môn, người kia đáp rằng: Ba quả Sa-môn, khi đã chế phục phiền não, định Kim cương dụ hiện ở trước, dứt trừ tất cả kiết. Giống như nông phu, tay trái nắm lấy cổ, cùng một lúc tay phải dùng lưỡi hái cắt cỏ. Pháp dứt trừ kiết kia cũng giống như thế.

Vì nhằm dứt bỏ ý của thuyết như thế, cũng nói phiền não có hai thứ, có hai thứ đối trị:

1. Kiến đạo dứt.
2. Tu đạo dứt.

Kiến đạo dứt: Dùng kiến đạo làm đối trị, tu đạo dứt: Dùng tu đạo làm đối trị.

Lại nữa, vì sao soạn luận này?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Cùng lúc kiến đế, chứ chẳng phải kiến đế theo thứ lớp.

Vì ngăn dứt ý của thuyết như thế, cũng nói kiến đế có thứ lớp. Vì nếu cùng lúc kiến đế, chẳng phải theo thứ lớp thì trái với kinh Phật, như kinh nói: Cư sĩ Cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, hỏi Phật: Bạch Đức Thế tôn! Là cùng lúc kiến đế, hay theo thứ lớp kiến đế?

Đức Phật đáp: Này Cư sĩ! Theo thứ lớp kiến đế, như pháp bước lên cầu thang.

Lại nữa, sở dĩ soạn luận này, là muốn nói phiền não có hai thứ đối trị:

1. Loại do kiến đạo dứt.
2. Loại do tu đạo dứt.

Kiến đạo làm đối trị cho loại do kiến đạo dứt, tu đạo làm đối trị cho loại do tu đạo dứt.

Cho nên, vì nhằm ngăn nghĩa của người khác, vì muốn làm sáng tỏ nghĩa của mình, cũng để nói lên nghĩa tương ứng của pháp tướng, nên soạn luận này. Nếu đừng ngăn dứt nghĩa của người khác, cũng không làm sáng tỏ nghĩa của mình, chỉ muốn nói về nghĩa tương ứng của pháp tướng mà soạn luận này.

Ba kiết ấy có bao nhiêu kiết do kiến đạo dứt, bao nhiêu kiết do tu đạo dứt? Kiến đạo ở trước có hai thứ. Thân kiến ở trước có hai thứ. Hoặc kiến đạo dứt, hoặc kiến đạo, tu đạo dứt.

Hỏi: Ở trước là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa phân lập, nghĩa trước đáp là nghĩa ở trước.

Nghĩa phân lập: Trước lập phần chỗ dứt của kiến đạo, sau lập bất định.

Nghĩa đáp trước: Trước đáp về chỗ dứt của kiến đạo, sau đáp không nhất định:

Thế nào là kiến đạo dứt? Nếu thân kiến là lệ thuộc Phi tướng Phi phi tướng xứ, hoặc Kiên tín, kiến pháp, thì dùng khổ nhẫn dứt. Thân kiến ở cõi Dục, cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, có thể được dùng đạo thế tục dứt thân kiến cõi Dục, cho đến Vô sở hữu xứ. Đối với Phi tướng Phi phi tướng xứ, đạo thế tục dừng trụ lại không còn thế dụng, nên lại khởi kiến đạo hiện ở trước, dứt trừ thân kiến của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Nếu nói thân kiến, tức là thế định. Nếu nói lệ thuộc Phi tướng Phi phi tướng xứ, tức là địa định. Nếu nói Kiên tín, Kiên pháp, tức người định. Nếu nói khổ nhẫn tức đối trị định. Nếu nói dứt trừ thì việc mình đã làm là định. Đây là nói thân kiến, là đối trị không chung, đối trị quyết định, bậc Thánh có thể dứt, phàm phu thì không thể dứt. Dùng đạo vô lậu, không dùng đạo thế tục, chỉ dùng kiến đạo, không dùng tu đạo, dùng nhẫn, không dùng trí. Trong đây nói thân kiến như thế. Thân kiến khác hoặc phàm phu dứt, do tu đạo dứt. Đệ tử Đức Thế tôn do kiến đạo dứt.

Thế nào là thân kiến khác? Từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, nếu

người phạm phu dùng tu đạo dứt, bậc Thánh dùng kiến đạo dứt, người phạm phu thì dùng đạo thế tục để dứt, bậc Thánh dùng đạo vô lậu để dứt, người phạm phu dùng trí dứt, bậc Thánh dùng nhãn dứt. Người phạm phu với chín thứ thân kiến tạo ra lúc dứt. Bậc Thánh với chín thứ thân kiến, tạo ra một lúc dứt. Sự dứt trừ thân kiến của người phạm phu có dừng, nghỉ. Sự dứt trừ thân kiến của bậc Thánh không có ngừng nghỉ. Người phạm phu dứt, không kiến đế. bậc Thánh dứt thì kiến đế. Cho nên đáp như vậy: Với thân kiến khác, nếu là người phạm phu thì do tu đạo dứt, còn đệ tử Đức Thế tôn thì do kiến đạo dứt. Giới thủ, nghỉ, do kiến đạo hiện ở trước có hai thứ: hoặc kiến đạo dứt, hoặc kiến đạo, tu đạo dứt.

Nghĩa ở trước như trên đã nói.

Thế nào là kiến đạo dứt? Nếu giới thủ, nghỉ, lệ thuộc Phi tướng Phi phi tướng xứ, hoặc Kiên tín, Kiên pháp, dùng các nhãn dứt trừ giới thủ, nghỉ. Từ cõi Dục cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, có thể được đạo thế tục hiện ở trước, dứt trừ giới thủ, nghỉ cõi Dục, cho đến Vô sở hữu xứ. Đạo thế tục đối với Phi tướng Phi phi tướng xứ bên trụ, không còn thế dụng, lại khởi kiến đạo hiện ở trước, dứt trừ giới thủ, nghỉ của Phi tướng Phi phi tướng xứ. Nếu nói giới thủ, nghỉ, thì thế định. Nếu nói lệ thuộc Phi tướng Phi phi tướng xứ, tức địa định. Nếu nói về Kiên tín, Kiên pháp là người định. Nếu nói các nhãn, tức là đối trị định. Nếu nói dứt trừ, thì việc đã làm là định. Đây là nói giới thủ, nghỉ, là đối trị quyết định, đối trị không chung. Bậc Thánh có thể dứt, người phạm phu không thể dứt. Dùng đạo vô lậu, không dùng đạo thế tục, chỉ dùng kiến đạo, không dùng tu đạo, dùng nhãn, không dùng trí.

Trong đây, là nói giới thủ, nghỉ như thế.

Giới thủ, nghỉ khác, người phạm phu dứt dùng tu đạo dứt, đệ tử Đức Thế tôn dùng kiến đạo dứt. Phần còn lại như trên đã nói.

Tham, giận dữ, ngu si và dục lậu, tu đạo hiện ở trước có hai thứ: Hoặc do tu đạo dứt, hoặc do kiến đạo, tu đạo dứt.

Ở trước là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa phần lập, nghĩa đáp trước là nghĩa ở trước. Nghĩa phần lập: Trước lập phần tu đạo, sau lập không nhất định.

Nghĩa đáp trước: Trước đáp chỗ dứt của tu đạo. Sau đáp không nhất định.

Thế nào là tu đạo dứt?

Đáp: Tham, giận, si và học kiến tích của dục lậu do tu đạo dứt. Tham, giận, si và dục lậu có năm thứ: Kiến khổ dứt chủng, cho đến tu



đạo dứt chủng. Kiến đạo hiện ở trước dứt trừ khổ đế dứt, cho đến đạo đế dứt. Tham, giận, si và dục lậu, đối với tu đạo dứt, tức trụ, không còn thể dụng, nên lại khởi tu đạo hiện ở trước, dứt trừ tham, giận, si và dục lậu vốn do tu đạo dứt. nếu nói tham giận si và dục lậu tức là thể định. Nếu nói học kiến tích, thì là người định. Nếu nói tu đạo thì là đối trị định. Nếu nói dứt trừ thì việc mình đã làm là định. Tham, giận, si và dục lậu này là đối trị không chung, đối trị quyết định, là chỗ dứt của bậc Thánh, chẳng phải của người phàm phu, là tu đạo dứt, chẳng phải kiến đạo dứt, là trí dứt, chẳng phải nhãn dứt.

Trong đây, thì nói tham, giận, si và dục lậu như thế. Pháp khác, nếu người phàm phu dứt, là do tu đạo dứt, đệ tử Đức Thế tôn, là do kiến đạo dứt.

Pháp khác là sao?

Đáp: Pháp khác là có bốn thứ: Là chỗ dứt của kiến khổ, cho đến kiến đạo. Nếu là người phàm phu dứt, thì do tu đạo dứt, đệ tử Đức Thế tôn thì do kiến đạo dứt. Phần còn lại nói rộng như trên. Vì việc ấy, nên nói rằng: Nếu là người phàm phu dứt, là tu đạo dứt, đệ tử Đức Thế tôn thì do kiến đạo dứt.

Hỏi: Nếu nói học kiến tích do tu đạo dứt trừ tham, giận, si và dục lậu, tức là nói chỗ dứt của tu đạo trong thân bậc Thánh. Pháp khác nếu nói người phàm phu dứt là do tu đạo dứt, nếu nói bậc Thánh dứt là do kiến đạo dứt, thì đây là nói tham, giận, si và dục lậu, được dứt trừ do kiến khổ, tập, diệt, đạo trong thân phàm phu bậc Thánh. Ở đây có pháp khác nào chưa nói đến?

Đáp: Tham, giận, si và dục lậu là chỗ dứt của tu đạo trong thân người phàm phu.

Hỏi: Vì sao điều này không nói?

Đáp: Đáng lẽ nói mà không nói, phải biết là thuyết này chưa rõ ráo.

Lại nữa, đã nói trong thuyết ở trước. Vì sao? Vì chúng nên lập chủng phiền não, không do ở trong thân lập chủng phiền não.

Bằng với năm thứ, không có chủng thứ sáu, bậc Thánh do kiến đạo dứt trừ, do kiến đạo dứt trừ chủng. Do tu đạo dứt trừ, do tu đạo dứt trừ chủng. Người phàm phu, nếu do kiến đạo dứt, hoặc do tu đạo dứt, đều nhóm họp do tu đạo dứt. Vì sao? Vì người phàm phu đối với phiền não do năm thứ dứt, phải dùng tu đạo dứt, nghĩa này quyết định.

Vì việc này, nên biết đã nói trong thuyết trước đây.

Hữu lậu, vô minh lậu, kiến đạo ở trước, có ba thứ: Hoặc do kiến

đạo dứt, hoặc do tu đạo dứt, hoặc do kiến đạo, tu đạo dứt.

Nghĩa ở trước là sao?

Đáp: Nghĩa phân lập, nghĩa đáp trước là nghĩa ở trước. Trước lập kiến đạo dứt chừng, kế là lập tu đạo dứt chừng, sau là lập không nhất định. Đáp trước: Trước đáp về kiến đạo dứt chừng, kế đáp về tu đạo dứt chừng, sau đáp không nhất định.

Thế nào là kiến đạo dứt? Nếu hữu lậu, vô minh lậu lệ thuộc ở Phi tướng Phi phi tướng xứ, hoặc Kiên tín, Kiên pháp, dùng các nhân dứt bỏ hữu lậu, từ Sơ thiên cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ, có thể dứt được vô minh lậu. Từ cõi Dục cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ có thể được đạo thế tục hiện ở trước, dứt bỏ vô minh lậu, từ cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ. Đoạn trừ hữu lậu từ Sơ thiên cho đến Vô sở hữu xứ. Đối với Phi tướng Phi phi tướng xứ bèn trụ, không còn thế dụng, nên lại khởi kiến đạo hiện ở trước, dứt trừ hữu lậu, vô minh lậu của Phi tướng Phi phi tướng xứ vốn do kiến đạo dứt.

Kiến đạo, đối với chỗ dứt của tu đạo, liền dừng trụ, không còn thế dụng, nên lại khởi tu đạo hiện ở trước, dứt trừ hữu lậu, vô minh lậu, vốn là chỗ dứt của tu đạo. Nếu nói hữu lậu, vô minh lậu tức là thế định. Nếu nói Phi tướng Phi phi tướng xứ, là địa định. Nếu nói Kiên tín, Kiên pháp, tức người định. Nếu nói các nhân, tức đối trị định. Nếu nói dứt, tức việc làm của mình đã định. Hữu lậu, vô minh lậu là đối trị bất cộng, đối trị quyết định, là chỗ dứt của bậc Thánh, chẳng phải của người phàm phu, do đạo vô lậu dứt, chẳng phải đạo thế tục, do kiến đạo dứt chẳng phải tu đạo, do nhân dứt, chẳng phải trí.

Trong đây là nói hữu lậu, vô minh lậu như thế.

Hỏi: Thế nào là tu đạo dứt trừ?

Đáp: Hữu lậu, vô minh lậu, Học kiến tích, do tu đạo dứt. Hữu lậu, vô minh lậu có năm thứ: là do thấy khổ mà dứt, cho đến do tu đạo dứt. Kiến đạo dứt, khổ đế dứt, cho đến đạo đế dứt hữu lậu, vô minh lậu. Kiến đạo đối với chỗ dứt của tu đạo bèn dừng trụ, không còn thế dụng, nên lại khởi tu đạo hiện ở trước, dứt trừ hữu lậu, vô minh lậu, vốn là chỗ dứt của tu đạo. Nếu nói hữu lậu, vô minh lậu, tức là thế định. Nếu nói Học kiến tích, tức là người định. Nếu nói tu đạo tức là đối trị định. Nếu nói dứt trừ tức là việc làm của mình định. Hữu lậu, vô minh lậu, là đối trị bất cộng, đối trị quyết định là do bậc Thánh dứt chẳng phải người phàm phu, là tu đạo dứt, chẳng phải kiến đạo, là đạo vô lậu dứt, chẳng phải đạo thế tục, là trí dứt, chẳng phải nhân dứt.

Ở đây, là nói hữu lậu, vô minh lậu như thế. Pháp khác: Nếu phàm

phu dứt thì do tu đạo dứt, đệ tử Đức Thế tôn thì do kiến đạo dứt.

Hỏi: Pháp khác là sao?

Đáp: Vô minh lậu, cõi Dục có bốn thứ. Hữu lậu, vô minh lậu, từ Sơ thiên cho đến Vô sở hữu xứ có bốn thứ. Ở đây, nếu là phạm phu dứt trừ thì do tu đạo dứt, nếu bậc Thánh dứt trừ, thì do kiến đạo dứt. Phần còn lại nói rộng như trên. Ở trước có ba thứ:

1. Không chung.
2. Rốt ráo.
3. Đầu tiên.

Không chung ở trước: Như ba kiết.

Rốt ráo ở trước: Như tham, giận, si và dục lậu.

Đầu tiên ở trước: Như hữu lậu, vô minh lậu.

Nếu phiền não là chỗ dứt của kiến đạo ba cõi, thì nên tạo ra hai trường hợp ở trước của kiến đạo, như ba kiết. Nếu là chỗ dứt của năm thứ cõi Dục, thì nên tạo ra hai trường hợp ở trước của tu đạo, như tham, giận, si và dục lậu. Nếu là chỗ dứt của năm thứ ba cõi, thì nên tạo ra ba trường hợp ở trước của kiến đạo, như hữu lậu, vô minh lậu. Thuyết này là nói tóm lược về Tỳ-bà-sa. Trong năm cái, hối là do tu đạo dứt trừ. Nghi, nếu phạm phu dứt trừ là do tu đạo dứt, đệ tử Đức Thế tôn dứt trừ là do kiến đạo dứt. Năm kiết phần trên là do tu đạo dứt. Năm ái thân là do tu đạo dứt. Kiết ganh ty, kiết keo kiệt là do tu đạo dứt. Hai mươi tám thứ trong chín mươi tám sử là do kiến đạo dứt trừ. Mười sử là do tu đạo dứt. Số sử còn lại, nếu phạm phu dứt là do tu đạo dứt trừ, đệ tử Đức Thế tôn dứt là do kiến đạo dứt trừ.

Hỏi: Như kinh Ba-già-la-na chép: Trong chín mươi tám sử, tám mươi tám sử là do kiến đạo dứt, mười thứ là do tu đạo dứt. Vì sao trong đây lại nói hai mươi tám sử là do kiến đạo dứt, mười sử là do tu đạo dứt?

Đáp: Văn này là liễu nghĩa, văn của kinh kia là chưa liễu nghĩa. Văn này là ý nêu trọn vẹn, văn kia là ý nêu chưa trọn vẹn. Văn này không có lý do, văn kia có lý do. Văn này là thật nghĩa đế, văn kia là tục đế.

Lại nữa, kinh Ba-già-la-na nói là thuận theo thứ lớp pháp: Nói con người trói buộc đủ, chẳng phải người siêu việt. Ở đây không nói thuận theo thứ lớp pháp, không nói là người trói buộc đủ, không nói người siêu việt.

Lại nữa, trong kinh kia nói phạm phu, bậc Thánh lìa dục, Thánh đạo tạo tác, đạo thế tục tạo tác. Ở đây nói bậc Thánh lìa dục, không nói

phàm phu, nói Thánh tạo tác, không nói đạo thể tục.

Lại nữa, trong kinh kia nói lìa dục cõi Dục, cho đến lìa dục của Vô sở hữu xứ, được chánh quyết định, nghĩa là trước dùng đạo thể tục để dứt trừ phiền não cõi Dục, cho đến Vô sở hữu xứ. Kiến đạo kia dứt trừ phiền não, giải thoát được tác chứng khác nhau. Vì sao? Vì được giải thoát kia là do kiến đạo nên có sai khác. Do việc ấy, nên kinh kia nói rằng: Tám mươi tám sử là do kiến đạo dứt, mười sử là do tu đạo dứt.

Cho nên Tôn giả Cù-sa đã nói rằng: Hai mươi tám sử là do kiến đạo dứt, mười sử là do tu đạo dứt.

Vì sao kinh Ba-già-la-na nói rằng: Tám mươi tám sử là do kiến đạo dứt trừ, mười sử là do tu đạo dứt trừ? Kinh ấy đáp: Hai mươi tám thứ quyết định là do kiến đạo dứt, mười thứ là do tu đạo dứt, sáu mươi thứ là bất định. Bất định, nghĩa là ở trong kiến đạo mà có khác nhau.

Kinh Ba-già-la-na nói: Vì theo thứ lớp, nên nói tám mươi tám thứ do kiến đạo dứt, mười thứ là do tu đạo dứt. Môn này là Tỳ-bà-sa đã phân biệt rộng.

Hỏi: Vì sao gọi là kiến đạo dứt? Vì sao gọi là tu đạo dứt? Như kiến không lìa tu, tu không lìa kiến. Trong kiến đạo tu như thật cũng có thể được. Trong tu đạo kiến như thật cũng có thể được. Kiến được gọi là tuệ, tu gọi là không buông lung. Như thật là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa luôn luôn, nghĩa chú trọng riêng là nghĩa như thật. Trong kiến đạo tuệ nhiều, không buông lung ít. Trong tu đạo không buông lung nhiều, tuệ ít.

Lại nữa, nghĩa cùng lường xét là nghĩa như thật.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Thấy bốn chân đế là dứt trừ các phiền não.

Làm sao phân biệt được đâu là kiến đạo dứt, đây là tu đạo dứt?

Đáp: Do kiến dứt do kiến chế phục, do kiến làm nôn ra các phiền não, nên nói là kiến đạo dứt.

Lại có thuyết nói: Phiền não, chỗ dứt của kiến đạo, cũng nên nói là chỗ dứt của tu đạo. Vì sao? Vì trong kiến đạo tu như thật có thể được, nên như nghĩa của ngã, do kiến dứt, do kiến chế phục, do kiến nôn ra các phiền não, gọi là kiến đạo dứt.

Hỏi: Vì sao gọi là tu đạo dứt?

Đáp: Tùy đạo đã được, tu hành rộng khắp, dứt các phần sinh, dứt trừ lượng, dứt trừ chủng, khiến sử mỏng dần, khiến dứt rốt ráo, nên gọi là tu đạo dứt.

Lại có người nói rằng: Tu đạo dứt phiền não, cũng có thể nói là

kiến đạo dứt. Vì sao? Vì trong tu đạo cũng có kiến như thật, như nghĩa ngã, tùy đạo đã được, tu hành rộng khắp, dứt các phần sinh, dứt lượng của sinh dứt, chủng của sinh, khiến sử dần dần mỏng, khiến cho dứt rất ráo, nên gọi là tu đạo dứt.

Hỏi: Đây là nghĩa gì?

Đáp: Kiến đạo là đạo mạnh mẽ. Nếu khi duyên kiến đạo kia, thì chín thứ phiền não đều được dứt trừ cùng lúc. Tu đạo là đạo không mạnh mẽ, thường phải tu tập thì chín thứ phiền não trong chín thời gian mới dứt trừ được. Ví như dao bén, dao lặt, dùng cắt đồ vật. Dao bén chỉ xuống một nhát, dao lặt thì phải cứa đi cứa lại mới dứt. Tu đạo kia cũng giống như thế.

Lại nữa, nếu dùng kiến riêng nhiều về đạo dứt, thì gọi là kiến đạo dứt. Nếu do tu riêng nhiều về đạo dứt thì gọi là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu dùng hai tướng đạo dứt thì gọi là kiến đạo dứt. Hai tướng: là tướng kiến và tướng tuệ. Nếu dùng ba tướng đạo dứt thì gọi là tu đạo dứt. Ba tướng: là tướng kiến, tướng tuệ và tướng trí.

Lại nữa, nếu dùng bốn tướng đạo dứt thì gọi là kiến đạo dứt. Bốn tướng đó là: Mắt, sự sáng suốt, giác và tuệ. Nếu dùng năm tướng đạo dứt thì gọi là tu đạo dứt. Năm tướng đó là: Mắt, sự sáng suốt, giác, tuệ và trí.

Lại nữa, nếu dùng nhãn để dứt, tức là kiến đạo dứt, dùng trí để dứt, tức là tu đạo dứt.

Lại nữa, chín kiết được dứt trừ cùng lúc là kiến đạo dứt. Chín thứ kiết được dứt trừ trong chín thời gian là tu đạo dứt.

Lại nữa, do vị tri dục tri căn dứt là kiến đạo dứt. Do tri căn dứt là tu đạo dứt.

Lại nữa, lúc dứt như đá nứt ra là kiến đạo dứt, lúc dứt như ngắt đứt ngó sen là tu đạo dứt.

Lại nữa, trái với phát ý là kiến đạo dứt. Trái với phương tiện là tu đạo dứt.

Lại nữa, không hề kiến đế, mà kiến đế dứt là kiến đạo dứt. Đã từng kiến đế, mà quán lần nữa để dứt là tu đạo dứt.

Lại nữa, dùng một nhân đạo dứt là kiến đạo dứt. Dùng hai do đạo dứt là tu đạo dứt.

Lại nữa, như lực sĩ mặc áo giáp dứt là kiến đạo dứt. Như người không có chân đi dứt là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu lúc dứt, tức chỗ nhận biết của trí kia là hành tu đạo, là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt, là trí khác, chỗ nhận biết khác, hành tu

khác, là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu người hưởng về quả không thành tựu để dứt là kiến đạo dứt. Nếu người hưởng về quả thành tựu để dứt là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu Kiên tín, Kiên pháp dứt, là kiến đạo dứt. Nếu Tín giải thoát, Kiến đạo, thân chứng dứt là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu đầu tiên phát khởi đạo dứt là kiến đạo dứt. Nếu thường phát khởi đạo dứt đó là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu dứt là thuộc về bốn quả Sa-môn đó là kiến đạo dứt. Nếu dứt thuộc về hoặc ba, hoặc hai, hoặc một quả Sa-môn, đó là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu duyên theo vô sở hữu mà sinh là kiến đạo dứt. Nếu duyên theo hữu mà sở hữu sinh là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu dứt xong không lui sụt là kiến đạo dứt. Nếu dứt rồi, hoặc lui sụt, hoặc không lui sụt, là tu đạo dứt.

Lại nữa, dứt rồi lại không còn buộc, không còn trói là kiến đạo dứt. Dứt rồi hoặc buộc, hoặc lệ thuộc là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt, nhãn là đạo vô ngại, trí là đạo giải thoát, là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt, trí là đạo vô ngại, trí là đạo giải thoát, là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt, trí làm đạo phương tiện, nhãn tạo đạo vô ngại, trí tạo đạo giải thoát là kiến đạo dứt. Nếu lúc dứt, trí làm đạo phương tiện, đạo vô ngại, đạo giải thoát là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu trước được phi số diệt, là kiến đạo dứt. Nếu trước hoặc đã được phi số diệt, sau được số diệt, hoặc trước được số diệt, sau được phi số diệt, hoặc cùng lúc được số diệt, phi số diệt là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt, duyên một đế tu đạo là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt, duyên đạo tu bốn đế là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt tu bốn hành đạo là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt tu mười sáu hành đạo là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt, tu đạo tương tự là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt, tu đạo tương tự, không tương tự, là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt, hoặc tu một Tam-muội là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt, hoặc tu ba Tam-muội là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu khi dứt không dấy khởi, là kiến đạo dứt. Nếu khi dứt, hoặc dấy khởi hoặc không dấy khởi là tu đạo dứt.

Ba kiết này, có bao nhiêu kiết do thấy khổ mà dứt, bao nhiêu kiết do tu đạo dứt, cho đến chín mươi tám sử có bao nhiêu sử do thấy khổ mà dứt, có bao nhiêu sử do tu đạo dứt.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Môn trước ngăn dứt ý của thuyết Sa-môn dứt trừ tức khắc, không ngăn dứt ý của thuyết một lúc kiến đế, cũng không nói thứ lớp kiến đế.

Nay vì muốn ngăn ý của thuyết kiến đế cùng lúc, cũng nói kiến đế theo thứ lớp, nên soạn luận này.

Lại có thuyết nói: Môn trước ngăn dứt ý của thuyết cho kiến đế cùng lúc, cũng nói về kiến đế theo thứ lớp, mà không nói thô hiện.

Nay vì muốn từ thô hiện rõ ràng, ngăn ý của thuyết cho kiến đế cùng lúc, cũng nói kiến đế theo thứ lớp, nên soạn luận này.

Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ năm thứ dứt phiền não và năm pháp đối trị. Năm thứ dứt phiền não: Là thứ do thấy khổ mà dứt cho đến thứ do tu đạo dứt.

Năm pháp đối trị: Khổ nhãn, khổ trí là pháp đối trị của thấy khổ mà dứt, cho đến đạo nhãn, đạo trí, là pháp đối trị của kiến đạo dứt. Trí là pháp đối trị của tu đạo dứt.

Vì các việc như thế, nên soạn luận này.

Ba kiết này có bao nhiêu kiết do thấy khổ mà dứt, cho đến nói rộng.

Đáp: Một do thấy khổ mà dứt là thân kiến.

Hỏi: Vì sao thân kiến chỉ do thấy khổ mà dứt?

Đáp: Vì duyên theo khổ mà sinh, nên lại do thấy khổ mà dứt.

Lại nữa, kiến này duyên theo quả sinh, nếu khi dùng tuệ quán quả thì kiến này liền dứt.

Lại nữa, thân kiến là tánh điên đảo, tất cả điên đảo đều do thấy khổ mà dứt. Nếu khi điên đảo dứt rồi, thì kiến này sẽ dứt ngay. Vì sao? Vì đồng một đối trị.

Lại nữa, phiền não này là thô, nên đầu tiên dùng đạo Vô ngại để dứt. Các phiền não khác thì vi tế, nên sau dùng định Kim cương dụ để dứt. Ví như dính nhơ không bám chắc, phủ mạnh thì rớt xuống. Nếu bụi nhơ bám chắc, dĩ nhiên phải dùng nước gột và dùng nhiều sức, thì mới sạch. Cũng như đồ đựng bằng sành, chất béo không thấm vào, dùng nước rửa liền sạch. Nếu chất béo thấm vào đồ đựng, phải dùng nước nóng để rửa, thì mới sạch. Thân kiến kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì rễ của kiến này không ăn sâu vào địa của sở duyên. Do không ăn sâu vào nên tánh nó kém, vì tánh chất kém, nên đầu tiên là dùng đạo vô ngại dứt. Rễ của các phiền não khác ăn sâu vào địa nơi sở duyên, nên sau đạo vô ngại, cho đến định Kim cương dụ dứt trừ. Ví

như rễ cây không ăn sâu vào đất, thì khi cơn gió nhẹ thổi qua, thì có thể khiến ngã rạp. Nếu rễ cây ăn sâu vào lòng đất, thì dù bị gió lớn thổi, cũng không thể làm cho cây ngã. Thân kiến kia cũng giống như thế.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì sao thân kiến chỉ do thấy khổ mà dứt?

Đáp: Vì thân kiến duyên theo năm ấm, về sau, khi như thật thấy năm ấm, thân kiến liền dứt.

Lại nữa, kiến nảy sinh ra từ tưởng thường, tưởng lạc, tưởng tịnh, tưởng ngã. Nếu thấy được tưởng vô thường, tưởng khổ, tưởng bất tịnh, tưởng vô ngã, thì kiến nảy liền dứt.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Vì kiến nảy từ thân mình sinh, nên gọi là thân kiến. Nếu nhận thấy thân mình vô ngã thì kiến nảy sẽ dứt trừ.

Giới thủ hoặc do thấy khổ mà dứt, hoặc do kiến đạo dứt.

Hỏi: Vì sao giới thủ chẳng phải do kiến tập, thấy diệt mà đoạn?

Đáp: Vì ngoại đạo, hành vi của họ trái với khổ, đạo, không trái với tập, diệt. Vì sao? Vì ngoại đạo chấp tập như cấu uế, chấp diệt như chỗ tắm gội, vì cầu mong chỗ tắm gội nên thực hành các thứ khổ hạnh. Vì thực hành các thứ khổ hạnh, nên vết nhơ của phiền não càng nhiễm vào tâm thêm. Như người vì muốn rửa bỏ vết nhơ, lại lợi xuống vũng nước đục để tắm gội thì càng nhơ bẩn thêm. Ngoại đạo kia cũng giống như thế.

Lại nữa, vì từ khổ sinh, nên lại do thấy khổ mà dứt, từ đạo sinh, nên lại do kiến đạo dứt.

Lại nữa, từ cấu uế sinh nên là thấy khổ mà dứt, từ tịnh sinh là kiến đạo dứt.

Lại nữa, là sở hành của nội đạo là thấy khổ mà dứt, sở hành của ngoại đạo là kiến đạo dứt.

Lại nữa, chẳng phải nhân chấp là nhân, là thấy khổ mà dứt. Chẳng phải đạo, chấp là đạo, là kiến đạo dứt.

Nghi do kiến khổ, tập, diệt, đạo dứt.

Hỏi: Vì sao trong tu đạo dứt không có nghi?

Đáp: Nếu khi chưa thấy thể của đạo, tâm sinh do dự. Khi đã thấy thể của đạo rồi, thì tâm sinh quyết định. Cho nên chỗ dứt của tu đạo không có nghi.

Ba căn bất thiện, ba lậu, do thấy khổ mà dứt trừ, cho đến do tu đạo dứt. Nói chung là năm thứ dứt. Hoặc có một thứ, hai thứ, bốn thứ, năm thứ dứt, nghĩa là môn khác, nói rộng như kinh này. Môn này là nói rộng Ưu-ba-đề-xá, Tỳ-bà-sa.



---

Hỏi: Vì sao gọi là kiến đạo dứt, cho đến gọi là tu đạo dứt?

Đáp: Nếu duyên quyết định, đối trị quyết định, gọi là kiến đạo dứt. Nếu duyên không quyết định, đối trị không quyết định thì gọi là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu xử sở quyết định, hoặc duyên quyết định, hoặc đối trị quyết định, gọi là kiến đạo dứt. Nếu xử sở không quyết định, duyên không quyết định, đối trị không quyết định, thì gọi là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu dùng khổ nhân, khổ trí làm đối trị, cho đến đạo nhân, đạo trí làm đối trị, gọi là kiến đạo dứt. Nếu dùng trí đối trị thì gọi là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu thấy khổ mà dứt, gọi là thấy khổ mà dứt. Nếu kiến đạo dứt, gọi là kiến đạo dứt. Nếu hoặc kiến khổ, hoặc kiến tập, hoặc kiến diệt, hoặc kiến đạo dứt, thì gọi là tu đạo dứt.

Lại nữa, nếu trái với khổ, gọi là thấy khổ mà dứt, cho đến nếu trái với đạo, gọi là kiến đạo dứt. Nếu trái với khổ, tập, diệt, đạo dứt, gọi là tu đạo dứt.

